

Bản án số 105/2018/HNGĐ- ST

Ngày 01/10/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa anh Đ với chị N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Đ với chị N theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXX- ST ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Ngọc M, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Năm 1997, được sự đồng ý của gia đình hai bên gia đình, anh và chị Phan Thị N đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn anh và chị N có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị N về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau. Anh và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ tháng 8 năm 2017. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N sinh được 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 5/11/ 2001. Các con anh đã lớn, nên các con ở với ai thì tùy, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo, bị đơn chị Phan Thị N trình bày: Về quá trình kết hôn, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như anh Đ đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ hay say rượu và phải lòng người phụ nữ khác. Chị và gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo Nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Chị và anh Đ sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 và chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 3 năm 2018. Nay anh Đ xin ly hôn, chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2001. Cháu T đang ở đi bộ đội, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H chưa đủ 18 tuổi, chị có nguyện vọng được nuôi cháu, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ xây dựng được 02 gian nhà cấp 4, diện tích khoảng 18,5m², tường vôi xây xung quanh đất. tổng trị giá các tài sản trên là 100.000.000đ. Chị đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản trên.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh chị Phan Thị N vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị N. Về con chung: Giao cho chị N nuôi con là Phan Văn H. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Phan Thị N, nhưng tại phiên tòa chị N vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với chị Phan Thị N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam ngày 20/6/1997, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh Đ, chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh Đ và chị N ly hôn .

[3]. Về con chung: Anh Đ và chị N có con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2001. Cháu T đã trưởng thành, anh Đ và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Cháu H chưa đủ 18 tuổi, chị N có nguyện vọng được nuôi cháu H, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với chị N nên giao cháu H cho chị N nuôi là phù hợp với quy định

của pháp luật. Do đương sự không có yêu cầu nên cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét

[4]. Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu. Quá trình tố tụng chị Phan Thị N đề nghị Tòa chia tài sản chung là 02 gian nhà cấp 4, diện tích khoảng 18,5m², tường vảnh lao xây xung quanh đất, nhưng chị N không nộp đơn yêu cầu, không nộp tiền tạm ứng án phí mặc dù đã được Tòa án giải thích, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phan Thị N.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Chị Phan Thị N nuôi con là Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/11/2001. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003186 ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân

**TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 105/2018/HNGĐ- ST

Ngày 01/10/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa anh Đ với chị N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Đ với chị N theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXX- ST ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Ngọc M, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Năm 1997, được sự đồng ý của gia đình hai bên gia đình, anh và chị Phan Thị N đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn anh và chị N có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị N về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau. Anh và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ tháng 8 năm 2017. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N sinh được 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 5/11/ 2001. Các con anh đã lớn, nên các con ở với ai thì tùy, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo, bị đơn chị Phan Thị N trình bày: Về quá trình kết hôn, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như anh Đ đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ hay say rượu và phải lòng người phụ nữ khác. Chị và gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo Nều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Chị và anh Đ sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 và chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 3 năm 2018. Nay anh Đ xin ly hôn, chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2001. Cháu T đang ở đi bộ đội, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H chưa đủ 18 tuổi, chị có nguyện vọng được nuôi cháu, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ xây dựng được 02 gian nhà cấp 4, diện tích khoảng 18,5m², tường vôi xây xung quanh đất. tổng trị giá các tài sản trên là 100.000.000đ. Chị đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản trên.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh chị Phan Thị N vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị N. Về con chung: Giao cho chị N nuôi con là Phan Văn H. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Phan Thị N, nhưng tại phiên tòa chị N vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với chị Phan Thị N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam ngày 20/6/1997, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh Đ, chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh Đ và chị N ly hôn .

[3]. Về con chung: Anh Đ và chị N có con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2001. Cháu T đã trưởng thành, anh Đ và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Cháu H chưa đủ 18 tuổi, chị N có nguyện vọng được nuôi cháu H, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với chị N nên giao cháu H cho chị N nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đương sự không có yêu cầu nên cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét

[4]. Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu. Quá trình tố tụng chị Phan Thị N đề nghị Tòa chia tài sản chung là 02 gian nhà cấp 4, diện tích khoảng 18,5m², tường vảnh lao xây xung quanh đất, nhưng chị N không nộp đơn yêu cầu, không nộp tiền tạm ứng án phí mặc dù đã được Tòa án giải thích, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phan Thị N.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Chị Phan Thị N nuôi con là Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/11/2001. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003186 ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã Đ;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân